

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2025
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
+ Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình).

Bị đơn: Anh Dương Thế T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình).

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà - Cục C10 - Bộ công an (Đóng tại: Tổ dân phố Đồng Tân, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình); đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Phạm Thị L là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Thế T kết hôn với nhau tự nguyện, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) ngày 17 tháng 8 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ dạo thời gian ngắn đã xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh T mãi chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - Cục C10 - Bộ công an về tội cướp tài sản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trang.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 07 tháng 7 năm 2025, anh Dương Thế T là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị L trình bày. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Do anh đang phải chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam Nam Hà - Cục C10 - Bộ công an, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Dương Thế T trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Phú A, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Dương Phú H, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L. Khi ly hôn nguyện vọng của chị L xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và cháu H cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị L. Nguyện vọng của anh T do hiện nay anh đang phải chấp hành án hình phạt tù nên anh không thể trực tiếp nuôi hai cháu được anh đề nghị Tòa án giao cháu A và cháu H cho mẹ đẻ anh là bà Phan Thị L nuôi

Về con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Dương Thế T. Về con chung: Giao cháu Dương Phú A, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Dương Phú H, sinh ngày 21/11/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị L. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Dương Thế T là bị đơn; địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Nam Hà - Cục C10 - Bộ Công an. (Đóng tại tổ dân phố Đồng Tân, phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Ninh Bình). Anh Dương Thế T có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Dương Thế T kết hôn với nhau tự nguyện, trước khi cưới đọc tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) ngày 17 tháng 8 năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ đọc thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh T không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - Cục C10 - Bộ công an về tội cướp tài sản. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn, anh T không nhất trí. Qua tài liệu xác minh, lời thừa nhận của đương sự thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Dương Thế T có 02 con chung là cháu Dương Phú A, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Dương Phú H, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L, được chị L nuôi dưỡng tốt về mọi mặt, ý kiến của cháu A và cháu H xin được ở với mẹ, nguyện vọng của chị L khi ly hôn xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Do anh T đang phải chấp hành án phạt tù. Để bảo đảm ổn định cuộc sống của các con và xét thấy yêu cầu nuôi con của chị L là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy

định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Dương Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phú A, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Dương Phú H, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Linh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Phạm Thị L chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002386 ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Linh đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 Ninh Bình;
- T.H.A dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nguyễn Úy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt